**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ***(Áp dụng đối với tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất))*

[01] Kỳ tính thuế: □ Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu: □          [03] Bổ sung lần thứ □

**A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI:**

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản): .....................................................

[05] Mã số thuế (nếu có): ......................................................................................................

[06] Địa chỉ: ...........................................................................................................................

[07] Quận/huyện: ……………………. [08] Tỉnh/thành phố: ...................................................

[09] Điện thoại: ………………………. [10] Fax: ……………. [11] Email: ...............................

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .....................................................................................................................

[14] Địa chỉ: ............................................................................................................................

[15] Quận/huyện: ………………………….. [16] Tỉnh/Thành phố: ..........................................

[17] Điện thoại: …………………………….. [18] Fax: …………….. [19] Email: ......................

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ………………………………………. ngày ...............................

**I. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:**

1. Loại tài sản (ví dụ: Ô tô, xe máy, tàu thuyền...): ................................................................

2. Nhãn hiệu: .........................................................................................................................

3. Số loại hoặc tên thương mại: ............................................................................................

4. Nước sản xuất: .................................................................................................................

5. Năm sản xuất: ..................................................................................................................

6. Thể tích làm việc: .............................................................................................................

7. Trọng tải (hoặc công suất): ..............................................................................................

8. Số người cho phép chở (kể cả lái xe): .............................................................................

9. Công thức bánh xe: ..........................................................................................................

10. Chất lượng tài sản: .........................................................................................................

11. Số máy: ..........................................................................................................................

12. Số khung: ......................................................................................................................

13. Biển kiểm soát: .............................................................................................................

14. Số đăng ký: ...................................................................................................................

15. Trị giá tài sản (đồng): ....................................................................................................

(Viết bằng chữ: ................................................................................................................... )

**II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN:**

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản: ........................................................................................

2. Địa chỉ: ............................................................................................................................

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản: ....................................................................

**III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ** (lý do):

............................................................................................................................................

**IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:**

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:  Chứng chỉ hành nghề số: | *…., ngày …. tháng …. năm ….* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))* |
| Hoặc**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC  ỦY QUYỀN KHAI THAY**  Họ và tên: |  |

**B. THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho Cơ quan Thuế):**

1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ: .................................................................................................................. )

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): {Bằng trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ nhân (x) mức thu lệ phí trước bạ (%). Mức thu lệ phí trước bạ được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (ví dụ: Máy bay, tàu thủy, thuyền, ô tô, xe máy...)} …..

(Viết bằng chữ: .................................................................................................................. )

Nộp theo chương ……………………………… tiểu mục ...................................................

3. Địa điểm nộp: .................................................................................................................

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày... tháng ... năm ... Quá 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan thuế mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

5. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm …… khoản ….. Điều ….. Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ:

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ** *(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | *…., ngày ….. tháng….. năm ....* **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)* |
| **NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ** *…….., ngày …. tháng …. năm ….. (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))* |  |

**C. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):**

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ: .................................................................................

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng): ...............................................................

(Viết bằng chữ: ................................................................................................................... )

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……… ngày …. tháng …. năm ....* **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |